

Số: 371/TB-VTCB

*Cửa Ông, ngày 03 tháng 08 năm 2026*

**THÔNG BÁO**

**Kết quả chỉ định thầu**

**Gói thầu: Mua sắm Lọc dầu, vòng bi và vật tư phụ**

**Kế hoạch: Mua sắm Lọc dầu, vòng bi và vật tư phụ.**

Kính gửi: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại EUKD.

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-VTCB ngày 03 tháng 08 năm 2026 về việc Phê duyệt kết quả chỉ định thầu Gói thầu: Mua sắm Lọc dầu, vòng bi và vật tư phụ thuộc Kế hoạch Mua sắm Lọc dầu, vòng bi và vật tư phụ của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc.

Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc xin thông báo kết quả chỉ định thầu Gói thầu: Mua sắm Lọc dầu, vòng bi và vật tư phụ như sau:

**1. Thông tin về Nhà thầu được đề nghị trúng thầu:**

- Tên nhà thầu: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại EUKD – MST: 0801403988.

- Địa chỉ: Tầng 1, Số 47, đường Trần Nguyên Đán, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng, Việt Nam.

- Giá trúng thầu: 104.544.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm lẻ bốn triệu năm trăm bốn mươi tư nghìn đồng). (Đã bao gồm thuế GTGT)

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên thực hiện xong các nghĩa vụ liên quan.

**2. Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng:**

Chúng tôi xin trân trọng kính mời nhà thầu: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại EUKD tới văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc để hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

- Thời gian ký hợp đồng: 08 giờ 30 phút ngày 04 tháng 08 năm 2026.

- Địa điểm ký kết hợp đồng: Tại văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc – Khu phố Cẩm Thịnh 4, Phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Hội đồng Quản trị;
- Chỉ huy Công ty;
- Công ty TNHH XNK và Thương mại EUKD;
- Lưu: CĐVT, TCKT.T09.

**GIÁM ĐỐC**



**Phương Kim Mừng**

**PHỤ LỤC**  
**KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU**  
**Gói thầu: Mua sắm Lọc dầu, vòng bi và vật tư phụ**  
*(Kèm theo Thông báo số 37/TB-VTCB ngày 03 tháng 08 năm 2026)*

| TT                        | Tên hàng hóa                                        | Xuất xứ    | ĐVT  | SL    | Đơn giá    | Thành tiền         |
|---------------------------|-----------------------------------------------------|------------|------|-------|------------|--------------------|
| 1                         | Sơn chống rỉ nâu Alkyd                              | Việt Nam   | Kg   | 24,0  | 55.000     | 1.320.000          |
| 2                         | Sơn màu vàng Alkyd                                  | Việt Nam   | Kg   | 18,0  | 60.000     | 1.080.000          |
| 3                         | Bu lông khớp nối M12                                | Trung Quốc | Bộ   | 20,0  | 75.000     | 1.500.000          |
| 4                         | Que hàn sắt Kim Tín GL26 D3.2                       | Việt Nam   | Kg   | 40,0  | 35.000     | 1.400.000          |
| 5                         | Que hàn sắt Kim Tín GL26 D4.0                       | Việt Nam   | Kg   | 100,0 | 35.000     | 3.500.000          |
| 6                         | Bulong M20x120                                      | Trung Quốc | Bộ   | 100,0 | 35.000     | 3.500.000          |
| 7                         | Dây hàn K71 T-1.2                                   | Malaysia   | Kg   | 450,0 | 54.000     | 24.300.000         |
| 8                         | Vòng bi 22336CA/W33 HRB                             | Trung Quốc | Vòng | 2,0   | 13.500.000 | 27.000.000         |
| 9                         | Lọc dầu diesel (lọc thô) YC6T, model L6500-1105350  | Trung Quốc | Cái  | 12,0  | 500.000    | 6.000.000          |
| 10                        | Lọc dầu diesel (lọc tinh) YC6T, model L6500-1105140 | Trung Quốc | Cái  | 12,0  | 600.000    | 7.200.000          |
| 11                        | Lọc dầu động cơ YC6T, model 430-101202A             | Trung Quốc | Cái  | 24,0  | 220.000    | 5.280.000          |
| 12                        | Lọc R6160, model 170Z.24.10                         | Trung Quốc | Cái  | 15,0  | 120.000    | 1.800.000          |
| 13                        | Vòng bi 22320CA/C3W33 HRB                           | Trung Quốc | Vòng | 2,0   | 2.900.000  | 5.800.000          |
| 14                        | Gioong 100x3                                        | Trung Quốc | Cái  | 4,0   | 65.000     | 260.000            |
| 15                        | Phốt 100x130x12                                     | Trung Quốc | Cái  | 4,0   | 130.000    | 520.000            |
| 16                        | Phốt 120x150x12                                     | Trung Quốc | cái  | 4,0   | 135.000    | 540.000            |
| 17                        | Vòng bi 22320 MBW33C3                               | Trung Quốc | Vòng | 2,0   | 2.900.000  | 5.800.000          |
| <b>Cộng trước thuế</b>    |                                                     |            |      |       |            | <b>96.800.000</b>  |
| <b>Thuế GTGT 8%</b>       |                                                     |            |      |       |            | <b>7.744.000</b>   |
| <b>Tổng cộng sau thuế</b> |                                                     |            |      |       |            | <b>104.544.000</b> |

**Bằng chữ: Một trăm lẻ bốn triệu năm trăm bốn mươi tư nghìn đồng.**